

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C ngày 06/8/2015, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh C. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 02/2022 vợ chồng phát

sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, anh C lười lao động không chịu làm việc, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe, còn mắng chửi chị. Vợ chồng tuy ở chung một nhà nhưng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, cả tuần không nói chuyện với nhau. Cuối tháng 02/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên đã hòa giải cho vợ chồng và vợ chồng cũng đã có biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo, giấy triệu tập cho anh C theo đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên anh C không lên Tòa án làm việc. Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương đến gia đình anh C, tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2022 anh C trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như trình bày của chị D, theo anh tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị D. Tuy nhiên sau khi trình bày xong, anh C không ký vào biên bản lấy lời khai, do vậy Tòa án cùng chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận sự việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về án phí, chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Vũ Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Văn C: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án làm việc. Căn

cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh C là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh C là do hai bên không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát. Chị D đã về nhà chị ở thôn B, xã H sinh sống từ cuối tháng 02/2022, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình sống ly thân, chị D và anh C đã có biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh C. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh C có nhiều mâu thuẫn, từ tháng 02/2022 cho đến nay chị D và anh C đã không chung sống cùng nhau. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để anh C lên Tòa án làm việc và tham gia các buổi hòa giải, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D đề nghị được ly hôn anh C là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị D và anh C không có con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002947 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh

